

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mâm;

Ông Nguyễn Văn Sol.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 387/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2022 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Trần Hoàng T kết hôn với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T sống không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi với nhau. Bà V có khuyên nhiều lần nhưng ông T không thay đổi cho nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Nguyễn Thị V xin được ly hôn với ông Trần Hoàng T.

- Về con chung: Có 02 người con tên Trần Anh D, sinh ngày 11/6/2013 (nam) và Trần Tường V, sinh ngày 25/6/2018 (nữ), hiện nay cháu V sống chung với bà V, còn cháu D sống chung với ông T. Khi ly hôn bà V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con tên Trần Tường V, bà V đồng ý giao con tên Trần Anh D cho ông T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Trần Hoàng T*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà V. Đồng thời, Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng ông T vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Trần Hoàng T Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 đối với ông T, nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Trần Hoàng T.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà V và ông T kết hôn với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau vào năm 2017 theo giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 08 tháng 5 năm 2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà V và ông T được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Xét thấy, bà V xin ly hôn với ông T là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T sống không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi với nhau. Bà V có khuyên nhiều lần nhưng ông T không thay đổi cho nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Về phía ông T đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông T vẫn vắng mặt và cũng

không có trình bày ý kiến gì của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà V, từ đó cho thấy ông T cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà V với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà V và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V. Bà V được ly hôn với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Bà V xác định có 02 người con tên Trần Anh D, sinh ngày 11/6/2013 (nam) và Trần Tường V, sinh ngày 25/6/2018 (nữ), hiện nay cháu V sống chung với bà V, còn cháu D sống chung với ông T. Khi ly hôn bà V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con tên Trần Tường V, bà V đồng ý giao con tên Trần Anh D cho ông T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Trần Anh D thì cháu D có nguyện vọng muốn sống chung với cha nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu. Đối với cháu Trần Tường V chưa đủ 07 tuổi nên Tòa án không làm việc với cháu nhưng từ khi bà V và ông T sống ly thân thì cháu V sống chung với bà V còn cháu D sống chung với ông T, cuộc sống của các cháu đã được ổn định. Do đó, giao cháu Trần Anh D, sinh ngày 11/6/2013 (nam) cho ông T có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc và giao cháu Trần Tường V, sinh ngày 25/6/2018 (nữ) cho bà V có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà V phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị V. Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Trần Hoàng T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị V nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Trần Tường V, sinh ngày 25/6/2018 (nữ) và giao cho ông Trần Hoàng T nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Trần Anh D, sinh ngày 11/6/2013 (nam).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà V phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà V có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008189 ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt Tnh từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo